

**BẢN TIN VỀ KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG**

**Tháng 04 (Đợt 2)**

**1. Tên nhiệm vụ:** Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Sông Nhuệ, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp

**2. Ngày quan trắc:** 22 – 23/4/2024

**Ngày cung cấp TT:** 24/4/2024

**3. Tình trạng hoạt động của các công khi lấy mẫu:**

STT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Tình trạng hoạt động của công
1	1	Công Liên Mạc	Công Liên Mạc 1 và 2 mở 1 cánh.
2	3	Đập Hà Đông	Đập mở.
3	6	Đập Đồng Quan (Thượng lưu)	Đập mở.
4	8	Đập Nhật Tựu	Đập mở hé.
5	9	Công Lương Cổ	Công mở.
6	13	Đập Thanh Liệt	Đập mở.
7	14	Kênh Xuân La	Công tiêu đóng.
8	15	Kênh Phú Đô	Công mở hé.
9	16	Kênh tiêu Trung Văn	Công mở.
10	21	Kênh Yên Xá	Công mở hé.
11	23	Kênh Hòa Bình	Công đóng.

4. **Tổng số vị trí các điểm quan trắc:** 23 vị trí.

5. **Đơn vị thực hiện:** Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý CLN, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi.

*Người cung cấp thông tin:* Trịnh Xuân Hoàng – Trưởng phòng.

6. **Đơn vị nhận thông tin:** Cục Thủy lợi, công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển thủy lợi Sông Nhuệ, công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi tỉnh Hà Nam, Chi cục thủy lợi Hà Nội, Chi cục thủy lợi Hà Nam.

## KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

### Bảng tóm tắt:

**Căn cứ theo các quy chuẩn:** QCVN 08:2023 và số liệu khảo sát hiện trường sơ bộ nhận định về chất lượng nước tại các vị trí quan trắc theo các hạng như sau:

**A – Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước (sau khi áp dụng xử lý phù hợp):** Không có vị trí nào.

**B – Sử dụng cho mục đích sản xuất nông nghiệp, công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp):** Kênh Vân Đình tại Cầu Bàu, Kênh Hòa Bình.

**C – Sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp), không gây mùi khó chịu:** Các vị trí đạt giới hạn trên, Sông Tô Lịch trước nhập lưu sông Nhuệ tại Khánh Hà - Thường Tín.

**D – Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp:** Các vị trí đạt giới hạn trên, Phù Lý – cầu Phù Vân, Kênh La Khê.

**Không đạt mức D:** Công Liên Mạc, Cầu Diên, Đập Hà Đông, Cầu Tó, Cầu Xém, Đập Đồng Quan (Thượng lưu), Cầu Thần, Đập Nhật Tựu, Cống Lương Cổ, Sông Đăm, Sông Cầu Ngà, Đập Thanh Liệt, Kênh Xuân La, Kênh Phú Đô, Kênh tiêu Trung Văn, Cầu Am, Kênh Duy Tiên, Kênh Yên Xá.

Mở các đập trên dòng chính sông Nhuệ thoát nước lưu ra sông Đáy. Tận dụng mực nước trên sông cao, tăng cường khả năng lấy nước vào hệ thống qua cống Liên Mạc và cống Tắc Giang nhằm tăng khả năng tự làm sạch trong hệ thống.

Bảng chi tiết:

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
1	Cống Liên Mạc	Đánh giá chất lượng nước vị trí đầu nguồn lấy nước vào hệ thống sông Nhuệ.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 27°C, độ ẩm 88%, mật độ mây 100%, gió ĐB 11 km/h.  Không có dòng chảy, nước đứng. Cổng Liên Mạc 1 và 2 mở 1 cánh. Hạ lưu cống Liên Mạc 2 đôn ứ nhiều bèo và rác. Nước màu xanh đen.	7.18	27.4	1.46	0.4	4.65	0.14	494	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B.
2	Cầu Diễn	Đánh giá chất lượng nước vị trí trên trục chính của sông Nhuệ sau nhập lưu của Sông Đăm, kênh Xuân La vào.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 28°C, độ ẩm 88%, mật độ mây 100%, gió BTB 10 km/h.  Dòng chảy chậm về hạ lưu. Mực nước thấp. Trên sông nhiều rác thải. Nước màu đen.	7.14	29.3	0.86	0.4	10.95	2.19	585	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B.

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
3	Đập Hà Đông	Đánh giá chất lượng nước vị trí trên trục chính của sông Nhuệ sau nhập lưu của sông Đăm, kênh Xuân La, kênh Phú Đô, sông Cầu Ngà, kênh Trung Văn, kênh La Khê vào.	Trời oi bức, nhiệt độ 28°C, độ ẩm 79%, mật độ mây 100%, gió BTB 7 km/h.  Dòng chảy chậm về hạ lưu, đập mờ, mực nước trung bình. Nước màu đen.	7.12	29	0.37	0.5	19.66	1.44	674	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B.
4	Cầu Tô	Đánh giá chất lượng nước vị trí trên trục chính của sông Nhuệ từ đập Hà Đông chảy về tiếp nhận nước thải từ kênh Yên Xá, sông Tô Lịch qua	Trời oi bức, nhiệt độ 28°C, độ ẩm 79%, mật độ mây 100%, gió BTB 8 km/h.  Dòng chảy chậm về hạ lưu, mực nước thấp. Nước màu đen, mùi hôi thối.	7.16	31.7	0.23	0.5	26.90	1.44	737	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B.

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		<i>QCVN 08:2023 - A</i>		6.5 – 8.5		≥ 6					
		<i>QCVN 08:2023 - B</i>		6 – 8.5		≥ 5					
		<i>QCVN 08:2023 - C</i>		6 – 8.5		≥ 4					
		<i>QCVN 08:2023 - D</i>		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		Đập Thanh Liệt.									
5	Cầu Xém	Đánh giá chất lượng nước vị trí trên trục chính của sông Nhuệ tiếp nhận nước thải từ nội thành đổ về tới cầu Xém.	Trời oi bức, nhiệt độ 28°C, độ ẩm 78%, mật độ mây 99%, gió ĐB 8 km/h.  Dòng chảy chậm về hạ lưu. Mực nước trung bình. Nước màu đen .	7.18	51.6	0.76	0.5	28.67	1.31	680	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B.
6	Đập Đồng Quan (Thượng lưu)	Đánh giá chất lượng nước vị trí trên trục chính của sông Nhuệ từ cầu Xém xuôi về tiếp nhận nước từ nhánh sông Tô Lịch tại Khánh Hà, Thường Tín	Trời nắng, nhiệt độ 30°C, độ ẩm 71%, mật độ mây 99%, gió Bắc 7 km/h.  Dòng chảy chậm về hạ lưu. Mực nước trung bình. Đập mở. Nước màu đen.	7.17	42.7	0.9	0.4	10.72	2.43	558	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B.

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		và kênh Vân Đình vào.									
7	Cầu Thần	Đánh giá chất lượng nước dòng chính sông Nhuệ. Vị trí này trước điểm chia nước từ dòng chính sông Nhuệ vào kênh Duy Tiên khoảng 150m.	Trời nắng, nhiệt độ 31°C, độ ẩm 63%, mật độ mây 98%, gió ĐB 8 km/h.  Dòng chảy chậm về hạ lưu, mực nước trung bình. Nước màu đen.	7.29	56.5	1.13	0.5	12.59	3.87	629	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B.
8	Đập Nhật Tựu	Đánh giá chất lượng nước dòng chính sông Nhuệ tại vị trí lấy mẫu ở thượng lưu đập.	Trời nắng, nhiệt độ 32°C, độ ẩm 66%, mật độ mây 95%, gió Bắc 10 km/h.  Dòng chảy chậm về hạ lưu, đập mở hé tiêu nước. Mực nước trung bình. Nước màu đen.	7.22	38.7	0.15	0.5	17.95	3.53	693	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B.

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
			Thượng lưu đập dồn ú nhiều bèo và rác thải.								
9	Công Lương Cỏ	Đánh giá chất lượng nước dòng chính sông Nhuệ tại vị trí công.	Trời nắng, nhiệt độ 32°C, độ ẩm 65%, mật độ mây 95%, gió ĐB 10 km/h.  Dòng chảy chậm về hạ lưu, mực nước thấp. Nước màu xanh đen.	7.43	45.3	1.12	0.6	23.78	2.16	740	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B.
10	Phù Lý – cầu Phù Vân	Đánh giá chất lượng nước tại điểm cuối trên dòng chính sông Nhuệ trước khi sông Nhuệ nhập lưu vào sông Đáy.	Trời nắng, nhiệt độ 32°C, độ ẩm 65%, mật độ mây 95%, gió ĐB 10 km/h.  Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ. Mực nước trung bình. Nước màu xanh đen. Khu vực lấy mẫu đang pha loãng nước ô nhiễm từ thượng lưu về.	7.45	41.3	2.64	0.5	3.33	1.85	696	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B.



Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2023 - A			6.5 – 8.5		≥ 6						
QCVN 08:2023 - B			6 – 8.5		≥ 5						
QCVN 08:2023 - C			6 – 8.5		≥ 4						
QCVN 08:2023 - D			< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2						
11	Sông Đăm	Đánh giá chất lượng nước trước khi nhập lưu vào sông Nhuệ.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 27°C, độ ẩm 88%, mật độ mây 100%, gió BTB 10 km/h.  Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ. Mực nước thấp. Dòng chảy sông Nhuệ chậm về hạ lưu. Nước màu đen, nước sông Nhuệ màu đen.	7.17	28.9	1.75	0.4	10.71	0.13	512	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B.
12	Sông Cầu Ngà	Đánh giá chất lượng nước sông Cầu Ngà, nhánh nhập lưu sông Nhuệ.	Trời oi bức, nhiệt độ 28°C, độ ẩm 83%, mật độ mây 100%, gió BTB 8 km/h.  Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ, mực nước thấp. Nước màu đen.	7.2	28.1	0.81	0.5	8.31	1.82	592	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B.
13	Đập Thanh Liệt	Đánh giá chất lượng nước sông Tô Lịch trước khi đổ vào sông	Trời oi bức, nhiệt độ 28°C, độ ẩm 79%, mật độ mây 100%, gió BTB 8 km/h.	7.14	38.9	0.39	0.7	40.02	1.33	883	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B.

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		Nhuệ.	Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ. Đập mở. Mực nước trung bình. Nước màu đen.								
14	Kênh Xuân La	Đánh giá chất lượng nước kênh Xuân La trước khi nhập lưu vào sông Nhuệ.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 27°C, độ ẩm 88%, mật độ mây 100%, gió BTB 10 km/h.  Không có dòng chảy. Cổng tiêu đóng. Trạm bơm hoạt động, bơm trực tiếp nước từ kênh Xuân La ra sông Nhuệ qua kênh tiêu chính của trạm bơm. Nước màu vàng xanh, mùi hôi thối.	7.16	47.9	1.57	0.5	10.84	3.43	680	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B.
15	Kênh Phú Đô	Đánh giá chất lượng nước nhánh bên bờ tả sông Nhuệ, không chế	Trời oi bức, nhiệt độ 27°C, độ ẩm 87%, mật độ mây 100%, gió BTB 9 km/h.  Dòng chảy chậm ra	7.07	44.5	0.47	0.6	26.56	0.29	806	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B.

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		QC VN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QC VN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QC VN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QC VN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		nước thải của làng bún Phú Đô và khu vực Mỹ Đình.	sông Nhuệ. Cổng mở hé. Mực nước thấp. Nước màu xám đen.								
16	Kênh tiêu Trung Văn	Đánh giá chất lượng nước nhánh bên bờ tả sông Nhuệ, không chế nước thải của các khu đô thị, dân cư khu vực Trung Văn, Mỹ Đình.	Trời oi bức, nhiệt độ 28°C, độ ẩm 83%, mật độ mây 100%, gió BTB 8 km/h.  Dòng chảy nhanh, cổng mở tiêu nước ra sông Nhuệ. Mực nước thấp. Nước màu vàng xanh, mùi hôi thối.	7.22	11.8	0.76	0.3	27.92	2.70	407	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B.
17	Cầu Am	Đánh giá chất lượng nước nhánh bên bờ hữu sông Nhuệ, không chế nước thải các khu đô thị dọc tuyến	Trời oi bức, nhiệt độ 28°C, độ ẩm 83%, mật độ mây 100%, gió BTB 7 km/h.  Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ. Mực nước thấp. Nước màu đen.	7.25	51.1	0.42	0.5	11.50	4.30	674	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B.

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		đường Lê Văn Lương và các khu dân cư quanh khu vực đổ vào.	Khu vực lấy mẫu đã kê xong đoạn hạ lưu. Dưới kênh có nhiều rác thải.								
18	Kênh La Khê	Đánh giá chất lượng nước kênh La Khê trước cống tiêu ra sông Đáy, vị trí tại cuối nguồn.	Trời oi bức, nhiệt độ 29°C, độ ẩm 80%, mật độ mây 100%, gió BTB 8 km/h.  Không có dòng chảy, mực nước trung bình. Nước màu nâu đen.	7.27	58	2.14	0.4	2.73	6.75	525	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B.
19	Kênh Vân Đình tại Cầu Bàu	Đánh giá chất lượng nước nhánh bên bờ hữu sông Nhuệ, nối sông Nhuệ và sông Đáy.	Trời nắng, nhiệt độ 30°C, độ ẩm 71%, mật độ mây 99%, gió Bắc 7 km/h.  Dòng chảy chậm về hướng sông Đáy. Mực nước thấp. Nước màu nâu đục.	7.44	33.4	5.18	0.4	2.15	3.29	536	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B.

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
20	Kênh Duy Tiên	Đánh giá chất lượng nước kênh Duy Tiên, kênh này lấy nước từ sông Nhuệ để tưới cho khu vực các huyện Lý Nhân, Duy Tiên.	Trời nắng, nhiệt độ 31°C, độ ẩm 63%, mật độ mây 98%, gió ĐB 8 km/h.  Dòng chảy chậm từ sông Nhuệ vào, mực nước trung bình. Nước màu đen.	7.25	41.8	1.42	0.5	12.12	3.24	700	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B.
21	Kênh Yên Xá	Đánh giá chất lượng nước nhánh bên bờ tả sông Nhuệ. Vị trí lấy mẫu tại hạ lưu kênh, trước khi đổ ra sông Nhuệ.	Trời oi bức, nhiệt độ 28°C, độ ẩm 79%, mật độ mây 100%, gió BTB 7 km/h.  Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ. Cổng mở hé, mực nước thấp. Nước màu xám đen.	7.3	54.1	1.22	0.7	47.09	7.20	895	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B.
22	Sông Tô Lịch trước	Đánh giá chất lượng nước nhánh của	Trời oi bức, nhiệt độ 28°C, độ ẩm 78%, mật độ mây 99%, gió ĐB	7.4	23.2	4.93	0.1	1.32	8.10	430	Chi tiêu quan trắc hiện trường

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
	nhập lưu sông Nhuệ tại Khánh Hà, Thường Tín	sông Tô Lịch thuộc địa phận xã Khánh Hà huyện Thường Tín đổ vào sông Nhuệ.	8 km/h. Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ, mực nước cao. Nước màu xanh, có hiện tượng bị tù đọng, phú dưỡng.								DO không đạt mức B.
23	Kênh Hòa Bình	Đánh giá chất lượng nước kênh Hòa Bình trước khi nhập lưu vào sông Nhuệ.	Trời oi bức, nhiệt độ 28°C, độ ẩm 79%, mật độ mây 100%, gió BTB 8 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng. Mực nước trong nội đồng cao hơn ngoài sông. Nước màu xanh lục.	7.39	49.4	5.14	0.3	1.31	3.24	450	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B.

*Ghi chú:*

**QCVN 08:2023 Mức A:** Chất lượng nước tốt. Hệ sinh thái trong môi trường nước có hàm lượng oxy hòa tan (DO) cao. Nước có thể sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

**QCVN 08:2023 Mức B:** Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

**QCVN 08:2023 Mức C:** Chất lượng nước xấu. Hệ sinh thái trong nước có lượng oxy hòa tan giảm mạnh do chứa một lượng lớn các chất ô nhiễm. Nước không gây mùi khó chịu, có thể được sử dụng cho các mục đích sản xuất công nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

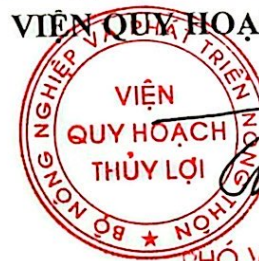
**QCVN 08:2023 Mức D:** Nước có chất lượng rất xấu, có thể gây ảnh hưởng lớn tới cá và các sinh vật sống trong môi trường nước do nồng độ oxy hòa tan thấp, nồng độ chất ô nhiễm cao. Nước có thể được sử dụng cho các mục đích giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu chất lượng nước thấp.

**Nơi nhận:**

- Cục Thủy lợi;
- Cty TNHH MTV Đầu tư phát triển thủy lợi Sông Nhuệ;
- Cty TNHH MTV KTCTTL tỉnh Hà Nam;
- Chi cục Thủy lợi Hà Nội;
- Chi cục Thủy lợi Hà Nam;
- Lưu phòng TN&TVQLCLN, MT.

Hà Nội, ngày 24 tháng 4 năm 2024

**VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI**



**PHÓ VIỆN TRƯỞNG**

*Đào Ngọc Tuấn*